

**ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH
BAN TUYÊN GIÁO**

*

Số 85 -CV/BTGDUK

*V/v cung cấp Tài liệu tuyên truyền về xây dựng
Nhà máy xử lý rác thải công nghệ cao trên địa bàn tỉnh*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Bình, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Các đảng ủy, chi ủy cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối.

Thực hiện Công văn số 676-CV/BTGTU, ngày 10-5-2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về cung cấp tài liệu tuyên truyền xây dựng Nhà máy xử lý rác thải công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; được Thường trực Đảng ủy Khối giao nhiệm vụ, Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối sao lục gửi tài liệu (*Đề cương do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn, phát hành*), đề nghị các đảng ủy, chi ủy cơ sở chỉ đạo, xây dựng kế hoạch tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, học sinh viên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy Khối (báo cáo);
- Như kính gửi;
- Lưu BTGDUK.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lưu Thị Phương Thanh

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

Về xây dựng Nhà máy xử lý rác thải công nghệ cao trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Công văn số 676/CV-BTGTU ngày 10/5/2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

1. Căn cứ pháp lý

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Thông báo Kết luận số 947-TB/TU ngày 14/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xử lý rác thải sinh hoạt bằng lò đốt rác tại các xã, thị trấn và việc thu gom, xử lý chất thải rắn của các cơ sở sản xuất công nghiệp.

Văn bản số 1875/UBND-KTTNMT ngày 23/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xử lý rác thải sinh hoạt bằng lò đốt rác tại các xã, thị trấn và việc thu gom, xử lý chất thải rắn của các cơ sở sản xuất công nghiệp.

2. Một số quy định của pháp luật về xử lý chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

Điều 78. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, quy định:

1. Nhà nước khuyến khích và có chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; khuyến khích đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật này. Không khuyến khích đầu tư cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt chỉ có phạm vi phục vụ trên địa bàn một đơn vị hành chính cấp xã.

4. Chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Chính phủ quy định lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp.

5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thực hiện việc giao đất kịp thời để triển khai xây dựng và vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; bố trí kinh phí cho việc đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hệ thống các công trình, biện pháp, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

2.2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP:

Điều 59. Lựa chọn chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

1. Việc lựa chọn chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo hình thức đối tác công tư, xây dựng và đấu thầu. Trường hợp cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư ngoài ngân sách thì chủ đầu tư trực tiếp quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn do mình đầu tư hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác làm chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau:

a) Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường của Việt Nam; tuân thủ hợp đồng xử lý đã ký kết và các cam kết với chính quyền địa phương;

b) Là chủ công nghệ hoặc có hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định. Trường hợp sử dụng công nghệ xử lý có xuất xứ từ các nước châu Âu, nhóm các nước công nghiệp phát triển mà khác với quy định kỹ thuật của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường về quản lý chất thải của Việt Nam thì khí thải, nước thải phải đáp ứng các tiêu chuẩn tương ứng của các quốc gia đó và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải, nước thải của Việt Nam;

c) Phải hoàn trả mặt bằng và tự chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng, chi phí tháo dỡ công trình và các chi phí khác có liên quan trong trường hợp không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng đã ký với chính quyền địa phương.

3. Việc lựa chọn chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt để quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 60. Lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp:

1. Công nghệ chôn lấp trực tiếp là việc chôn lấp chất thải trực tiếp trong bãi chôn lấp theo quy định mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp khác.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi đầu tư mới hoặc đưa vào vận

hành các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt ưu tiên đầu tư công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; bảo đảm giảm dần tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đáp ứng mục tiêu về quản lý tổng hợp chất thải rắn do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ phát triển.

Điều 63. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 75, khoản 2 Điều 76, khoản 1 Điều 77, khoản 2 và khoản 6 Điều 78, khoản 6 Điều 79, khoản 5 Điều 80 Luật Bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; phân công trách nhiệm quản lý cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp dưới về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

c) Ban hành biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

d) Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nội dung quản lý chất thải rắn trong quy hoạch có liên quan theo thẩm quyền; lập kế hoạch hằng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và bố trí kinh phí thực hiện phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

đ) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

b) Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường;

b) Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

c) Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

2.3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT:

Điều 28. Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

1. Về công nghệ:

a) Có khả năng tiếp nhận, phân loại chất thải, xử lý mùi, nước rỉ rác, khí thải, linh hoạt trong kết hợp các công nghệ khác, xử lý các loại chất thải rắn khác nhau; có khả năng mở rộng công suất, thu hồi năng lượng, xử lý các chất thải thứ cấp; mức độ phù hợp về quy mô xử lý;

b) Mức độ tự động hóa, nội địa hóa của dây chuyền thiết bị; tỷ lệ xử lý, tái sử dụng, tái chế, chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; mức độ tiên tiến của công nghệ xử lý; độ bền của thiết bị, dây chuyền công nghệ; xuất xứ của các trang thiết bị; tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ, khả năng sử dụng, thay thế các loại linh kiện, phụ tùng trong nước, tỷ lệ nội địa hóa của hệ thống công nghệ, thiết bị;

c) Ưu tiên công nghệ đã được ứng dụng thành công, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường về thiết bị xử lý, tái chế chất thải và phù hợp với điều kiện Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ; công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Về môi trường và xã hội:

a) Bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

b) Tiết kiệm diện tích sử dụng đất;

c) Tiết kiệm năng lượng, khả năng thu hồi năng lượng trong quá trình xử lý;

d) Khả năng đào tạo nhân lực địa phương tham gia quản lý, vận hành thiết bị, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị.

3. Về kinh tế:

a) Chi phí xử lý phù hợp với khả năng chi trả của địa phương hoặc không vượt quá mức chi phí xử lý được cơ quan có thẩm quyền công bố;

b) Khả năng tiêu thụ sản phẩm từ hoạt động tái chế chất thải;

c) Tiềm năng và giá trị kinh tế mang lại từ việc tái sử dụng chất thải, năng lượng và các sản phẩm có ích được tạo ra sau xử lý;

d) Nhu cầu thị trường; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sau khi xử lý được áp dụng;

d) Tính phù hợp trong chi phí xây dựng và lắp đặt thiết bị; chi phí vận hành; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa.

3. Sự cần thiết phải đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt

Một là, Đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Thái Bình:

- Cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế, lượng rác thải sinh hoạt đô thị, nông thôn ngày một tăng lên. Tại tỉnh Thái Bình, lượng rác thải sinh hoạt tăng với tốc độ nhanh, ước tính từ 5-8% mỗi năm (hiện nay khoảng trên 1.000 tấn rác thải sinh hoạt/ngày đêm), gây ra mối nguy hại lớn cho môi trường và cuộc sống của người dân.

- Hiện nay, phương pháp xử lý rác thải sinh hoạt tỉnh Thái Bình chủ yếu là lò đốt thủ công kết hợp với chôn lấp, là phương pháp xử lý rác thải không triệt để dẫn đến tình trạng ô nhiễm không khí, môi trường nước và môi trường đất. Vì vậy, áp dụng công nghệ xử lý rác thải tiên tiến giúp giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực với môi trường so với các phương pháp truyền thống khác.

Do vậy, chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tập trung đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh.

Hai là, Đốt rác phát điện là công nghệ tiên tiến, an toàn và mang lại nhiều lợi ích kinh tế - xã hội:

- Đốt rác phát điện là công nghệ xử lý rác thải tiên tiến, đang được áp dụng ở các nước phát triển theo hướng "tài nguyên hóa" nhằm tạo ra nguồn năng lượng và sản phẩm có ích từ rác thải.

- Công nghệ "đốt rác phát điện" có thể vô hại hóa rác thải do rác thải được đốt ở nhiệt độ cao, có thể đốt hầu hết các chất, bao gồm cả một số chất có hại. Xét từ hiệu quả lâu dài và tiêu chí tổng hợp, lợi ích xã hội và kinh tế của việc xử lý rác thải theo "công nghệ xanh" đốt rác phát điện mang lại là rất lớn.

Ba là, Các lợi ích kinh tế - xã hội do dự án mang lại:

- Lợi ích quan trọng đầu tiên dự án mang lại là lợi ích xã hội, đó là: giải quyết nhu cầu cấp bách về xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Thái Bình, tiết kiệm tối đa diện tích đất chôn lấp rác theo phương pháp truyền thống, từ đó cải thiện môi trường sống cho người dân và nâng cao cảnh quan đô thị, nông thôn. Ngoài ra dự án còn tạo thêm việc làm trong lĩnh vực xử lý môi trường, tạo cơ hội tiếp cận công nghệ tiên tiến cho nguồn nhân lực của địa phương.

- Về mặt lợi ích kinh tế: Biến rác thành nguồn tài nguyên sản xuất ra điện và tổng hợp tái chế ra sản phẩm có ích cho cuộc sống.

- Hiện nay ở Việt Nam đã có nhà máy xử lý rác sinh hoạt theo công nghệ "đốt rác phát điện" (Điện hình có Khu xử lý ở ấp Trường Thọ, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai của Cần Thơ; Nhà máy Đốt chất thải phát điện công suất 4.000 tấn/ngày tại Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, Hà Nội.... Hiện nay, nhiều địa phương khác đang trong quá trình đầu tư xây dựng như Hà Nội với Nhà máy Đốt chất thải phát điện công suất 1.500 tấn/ngày tại Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn; Thành phố Hồ Chí Minh với dự án Nhà máy đốt chất thải phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu xử lý chất thải Tây Bắc xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, có công suất xử lý đốt chất thải phát điện 2.000 tấn/ngày đêm; Đồng Nai với dự án Điện chất thải Vĩnh

Tân có công suất xử lý 600 tấn chất thải/ngày, công suất phát điện 30MW; Bắc Ninh có 02 dự án nhà máy điện rác tại huyện Lương Tài và huyện Thuận Thành; Phú Thọ có nhà máy điện rác Trạm Thản, huyện Phù Ninh; Quảng Nam có nhà máy điện rác Bắc Quảng Nam; Thanh Hóa có nhà máy điện rác tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn...).

Tỉnh Thái Bình chưa có Nhà máy xử lý rác thải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, vì vậy việc đầu tư xây dựng và vận hành thành công nhà máy xử lý rác sinh hoạt theo công nghệ "đốt rác phát điện" đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh.

4. Công nghệ xử lý rác sinh hoạt

Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Quy trình công nghệ đốt rác phát điện được khép kín từ khâu tiếp nhận, xử lý đến khâu xả thải cuối cùng, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, phù hợp với điều kiện rác chưa qua phân loại tại đầu nguồn trên địa bàn tỉnh Thái Bình hiện nay.

- Rác thải đầu vào được đưa đến hầm chứa rác; trong hầm có hệ thống hút khí liên tục để hút khí vào buồng đốt, tạo áp lực âm tại hầm chứa rác do đó giảm thiểu mùi tại hầm chứa rác và tận dụng được khí Mê tan sinh ra tại hầm chứa để làm khí đốt tại buồng đốt, nhờ vậy ngăn cản được việc rác thải, mùi rác bị phân tán bừa bãi khắp nhà máy gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan. Dưới lòng hầm có hệ thống thu gom nước rỉ rác đưa đến trạm xử lý nước thải, nước thải sau khi xử lý có thể sử dụng tuần hoàn làm nước làm mát.

- Rác thải từ hầm chứa rác sau khi ủ được đưa vào buồng đốt (hầm chứa rác liền cạnh buồng đốt). Tại đây sử dụng lò ghi đốt tinh tiến (buồng đốt chia làm 3 khu vực gồm: Khu vực sấy để tiếp nhận chất thải, làm khô và đốt một phần; khu vực đốt chính chất thải; cuối cùng là khu vực đốt kiệt là phần đốt cuối cùng để đảm bảo chất thải được đốt hết.

- Sản phẩm sau khi đốt rác gồm:

+ Sản phẩm đầu ra của dự án là điện được sinh ra từ quá trình đốt chất thải được sử dụng trong vận hành nhà máy, lượng còn lại sẽ được truyền tải lên lưới điện Quốc gia, phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

+ Xi phát sinh trong quá trình đốt chất thải được tận dụng làm vật liệu san lấp hoặc vật liệu gạch không nung.

5. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

- Xử lý khí thải lò đốt chất thải đạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.

- Đáp ứng Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở: QCVN24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi sau hệ thống xử lý khí thải, có màn hình hiển thị kết quả quan trắc tại công nhà máy cho người dân theo dõi, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Cơ chế chính sách cho người dân

Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với dự án đầu tư xử lý rác thải sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Hỗ trợ xây dựng đường giao thông vào nhà máy: Hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tập trung với hệ thống giao thông hiện có.

- Hỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu của xã, phường, thị trấn: UBND cấp xã nơi đặt nhà máy xử lý rác và UBND cấp xã nơi giáp ranh liền kề nhà máy xử lý rác được hỗ trợ một khoản kinh phí để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu của địa phương, với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

TT	Quy mô công suất của dự án được cấp có thẩm quyền chấp thuận (tấn/ngày)	Mức hỗ trợ đối với xã nơi đặt nhà máy xử lý rác (tỷ đồng)	Mức hỗ trợ đối với xã giáp ranh liền kề (tỷ đồng)
1	Từ 100 đến dưới 200	07	3,5
2	Từ 200 trở lên	10	5

7. Một số trang Web về đốt rác phát điện

- <https://www.youtube.com/watch?v=rODjGrY825A>

- https://www.city.yokohama.lg.jp/kurashi/sumai-kurashi/gomi-ecycle/shokai/shokyaku/kengaku/v_Factory_Guide.html

- <https://www.jase-w.eccj.or.jp/technologies-v/pdf/electricity/E-45.pdf>

8. Một số định hướng công tác tuyên truyền thời gian tới

Để tạo sự thống nhất, đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh về chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, công tác tuyên truyền cần tập trung thời gian tới như sau:

1- Bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hướng dẫn số 38-HD/BTGTU ngày 10/5/2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy triển khai nghiêm túc, hiệu quả công tác tuyên truyền chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

2- Chú trọng thông tin, tuyên truyền, giải thích rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của dự án; các chủ trương, chính sách, pháp luật trong công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ... liên quan đến dự án, đặc biệt là người dân trong vùng thực hiện dự án.

3- Đối với địa phương có dự án và các địa phương lân cận thường xuyên cập nhật, thông tin tuyên truyền về dự án đảm bảo minh bạch, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với từng đối tượng.

4- Tăng cường bám sát địa bàn, kịp thời phát hiện, vạch trần các hoạt động lợi dụng dự án để kêu gọi tụ tập đông người, gây mất an ninh trật tự địa phương. Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, vấn đề bức xúc của nhân dân liên quan đến dự án để chủ động kịp thời xử lý, giải quyết, không để xảy ra "điểm nóng" ở cơ sở.

5- Định hướng và quản lý tốt thông tin trên báo chí, internet, mạng xã hội; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có thông tin, bình luận, phát ngôn thiếu căn cứ, sai lệch nội dung liên quan đến dự án, gây rối làm phức tạp tình hình, chống phá Đảng, Nhà nước ta.

* *
*

Chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải công nghệ cao trên địa bàn tỉnh là chủ trương đúng, phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội, giải quyết nhu cầu cấp bách về xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển Thái Bình nhanh, bền vững./.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY THÁI BÌNH